

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: GIÁO SƯ**

**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐ ; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Luyện kim; Chuyên ngành: Khoa học vật liệu (Materials science)

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: **ĐOÀN ĐÌNH PHƯƠNG**
2. Ngày tháng năm sinh: 17/8/1962; Nam ☒ Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
4. Quê quán: xã Nam Hồng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: K3C, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):  
Đoàn Đình Phương  
Viện Khoa học vật liệu  
Số 18 đường Hoàng Quốc Việt  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại di động: 0913530185  
E-mail: phuongdd@ims.vast.ac.vn; phuongdoandinh@gmail.com
7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):
  - Từ 8/1986 đến 3/1987: Thực tập sau khi tốt nghiệp đại học tại Khoa Luyện kim, Đại học Kỹ thuật Kosice, Tiệp Khắc (cũ)
  - Từ 5/1987 đến 12/1988: Là cán bộ hợp đồng tại Viện Nghiên cứu vật liệu – Viện Khoa học Việt Nam (nay là Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)
  - Từ 01/1989 đến 5/1993: Là trợ lý nghiên cứu, sau là nghiên cứu viên tại Viện Nghiên cứu vật liệu – Viện Khoa học Việt Nam
  - Từ 6/1993 đến nay: Là cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lý tại Viện Khoa học vật liệu (KHVL) – Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Trong đó:

- + 12/2004 -12/2008: Phân Viện trưởng Phân viện Vật liệu kim loại
- + 3/2005 - 11/2017: Trưởng phòng Vật liệu kim loại tiên tiến
- + 5/2008 - 10/2017: Phó Viện trưởng Viện Khoa học vật liệu
- + 11/2017-11/2023: Viện trưởng Viện Khoa học vật liệu
- + 4/2024 đến nay: Chủ tịch Hội đồng Khoa học - Viện Khoa học vật liệu
- + 6/2019 đến nay: Kiêm nhiệm Trưởng Khoa Khoa Khoa học vật liệu và Năng lượng  
– Học viện Khoa học và Công nghệ thuộc Viện Hàn lâm KH&CN VN
- Chức vụ hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Khoa học Viện KHVL, Trưởng Khoa tại Học viện Khoa học và Công nghệ; Phó Chủ tịch Hội Vật lý Việt Nam – Chủ tịch Hội Khoa học vật liệu; Chức vụ cao nhất đã qua: Viện trưởng – Bí thư Đảng ủy Viện KHVL.
- Cơ quan công tác hiện nay: Viện Khoa học vật liệu – Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam
- Địa chỉ cơ quan: số 18 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- Điện thoại cơ quan: (024) 37564129
- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Học viện Khoa học và Công nghệ - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

8. Đã nghỉ hưu: Chưa nghỉ hưu

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 21 tháng 8 năm 1986; số văn bằng: 27/1986; ngành: Luyện kim, chuyên ngành: Công nghệ đúc; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Kỹ thuật Kosice, Cộng hòa XHCN Tiệp Khắc (cũ), nay là Cộng hòa Slovakia
- Được cấp bằng ThS: Không (học thăng lên Tiến sĩ do tốt nghiệp đại học loại giỏi)
- Được cấp bằng TS ngày 8 tháng 10 năm 2008; số văn bằng: 05739; ngành: Kỹ thuật; chuyên ngành: Công nghệ vật liệu vô cơ (Luyện kim); Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam (Đại học Bách Khoa Hà Nội)
- Được cấp bằng TSKH: Không

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 15 tháng 11 năm 2016; ngành: Luyện kim tại Học viện Khoa học và Công nghệ - Viện Hàn lâm KH&CN VN

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Khoa học và Công nghệ - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Hội đồng liên ngành Vật lý - Luyện kim - Công nghệ thông tin)

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Luyện kim

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nanocomposite, composite kim loại,
- Kim loại và hợp kim chức năng,
- Lớp phủ vô cơ,
- Vật liệu nano và các vật liệu khác liên quan.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 05 nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, trong đó hướng dẫn chính 3 nghiên cứu sinh;
- Chủ trì xây dựng và được đưa vào áp dụng 01 Chương trình đào tạo tiến sĩ năm 2022 ngành Kim loại học tại Học viện Khoa học và Công nghệ;
- Là tác giả 01 sách chuyên khảo do Nhà xuất bản uy tín xuất bản, sách được công nhận là sách phục vụ đào tạo, nghiên cứu tại Học viện Khoa học và Công nghệ;
- Đã chủ trì (chủ nhiệm đề tài) thực hiện thành công 01 đề tài cấp Nhà nước, 08 đề tài cấp bộ. Trong đó, đã chủ trì thực hiện thành công 03 đề tài cấp bộ sau khi được bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư;
- Đã công bố 110 bài báo khoa học, trong đó có 53 bài báo khoa học được đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp 10 bằng độc quyền sáng chế và giải pháp hữu ích, trong đó có 02 sáng chế nước ngoài;
- Là tác giả chính của 14 bài báo quốc tế uy tín và 02 sáng chế sau khi được bổ nhiệm Phó Giáo sư.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Giải thưởng Khoa học Trần Đại Nghĩa năm 2019 về khoa học và công nghệ,
- 02 lần được tặng bằng khen cấp bộ,
- Kỷ niệm chương của Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia Belarus.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

**B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Đạt tiêu chuẩn nhà giáo

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 13 năm
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT                                                  | Năm học   | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức(*) |
|-----------------------------------------------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                     |           | Chính                     | Phụ |                                    |                                         | ĐH                                 | SDH |                                                                                          |
| 03 năm học cuối liên tục sau khi được công nhận PGS |           |                           |     |                                    |                                         |                                    |     |                                                                                          |
| 1                                                   | 2022-2023 |                           | 1   |                                    |                                         |                                    | 80  | 80/96,6/135                                                                              |
| 2                                                   | 2023-2024 |                           | 1   |                                    |                                         |                                    | 120 | 120/136,6/135                                                                            |
| 3                                                   | 2024-2025 | 1                         | 2   |                                    |                                         |                                    | 90  | 90/167,6/135                                                                             |

(\*) Số giờ chuẩn định mức của giảng viên thỉnh giảng tính là 50% của 270 giờ.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Slovakia, tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☒; Tại nước: Slovakia (thuộc Tiệp Khắc cũ); Từ năm 1981 đến năm 1986

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: ..... năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:...

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Thông thạo

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS* hoặc HVCH/CK2/BSNT | Đối tượng |                  | Trách nhiệm hướng dẫn |     | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo                              | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|--------------------------------|-----------|------------------|-----------------------|-----|------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
|    |                                | NCS       | HVC H/CK 2/BSNT* | Chính                 | Phụ |                                    |                                            |                                                       |
| 1  | Phạm Văn Trinh                 | X         |                  |                       | X   | 2011-2015                          | Viện Khoa học vật liệu/Học viện KH&CN**    | 15/11/2016<br>Số bằng: 0027                           |
| 2  | Vũ Thị Mai                     | X         |                  |                       | X   | 2012-2016                          | Viện Công nghệ Môi trường/Học viện KH&CN** | 09/7/2018<br>Số bằng: GUST/TS 165                     |
| 3  | Lương Văn Dương                | X         |                  | X                     |     | 2013-2017                          | Viện Khoa học vật liệu/Học viện KH&CN**    | 03/01/2020<br>Số bằng: GUST/TS 273                    |
| 4  | Trịnh Minh Hoàn                | X         |                  | X                     |     | 2017-2022                          | Học viện KH&CN                             | 30/6/2023<br>Số bằng: GUST/TS 563                     |
| 5  | Nguyễn Minh Tuấn               | X         |                  | X                     |     | 2015-2023                          | Học viện KH&CN                             | 08/11/2024<br>Số bằng: GUST/TS/700                    |

**Ghi chú:** \*) Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

\*\*) Từ năm 2015 công tác đào tạo tiến sĩ chuyển từ các Viện chuyên ngành thuộc Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam sang Học viện Khoa học và Công nghệ thuộc Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT | Tên sách                     | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên | Phần biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|----|------------------------------|----------------------------|------------------------------|------------|----------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| I  | Trước khi được công nhận PGS |                            |                              |            |          |                                         |                                                            |
| 1  |                              |                            |                              |            |          |                                         |                                                            |

| II | Sau khi được công nhận PGS                                                                    |             |                                                                            |    |               |  |                                                                                                                  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------|----|---------------|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Các phương pháp luyện kim bột tiên tiến và ứng dụng chế tạo nanocomposite, composite kim loại | Chuyên khảo | Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ, 2024, ISBN: 978-604-357-266-7 | 01 | Viết một mình |  | Quyết định số 649/QĐ-HVKHCN ngày 31/5/2024 về việc công nhận sách phục vụ đào tạo, nghiên cứu tại Học viện KH&CN |

Trong đó: *Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS: 01 sách chuyên khảo*

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn.

**6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:**

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, CN/PCN/TK, ĐT...)                                                                                                      |           | Mã số và cấp quản lý                                                                         | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------|
| I  | Trước khi được công nhận PGS                                                                                                                                   |           |                                                                                              |                     |                                                     |
| 1  | ĐT: Nghiên cứu chế tạo vật liệu ma sát thiêu kết và ứng dụng làm guốc phanh cho ngành đường sắt                                                                | Chủ nhiệm | Cấp bộ: Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam                                                  | 2006-2007           | QĐ nghiệm thu ngày 14/01/2009<br>Xuất sắc           |
| 2  | ĐT: Nghiên cứu công nghệ chế tạo vật liệu ma sát thiêu kết tổ hợp kim loại – gốm để sử dụng làm guốc phanh tàu hỏa                                             | Chủ nhiệm | Cấp bộ: Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam                                                  | 2010-2012           | QĐ nghiệm thu ngày 12/9/2013<br>Khá                 |
| 3  | ĐT: Gia công chế tạo composite nền kim loại gia cường bằng ống nano cacbon theo phương pháp biến dạng dẻo mãnh liệt và nghiên cứu đặc trưng tính chất vật liệu | Chủ nhiệm | Cấp bộ: Đề tài hợp tác quốc tế cấp Viện Hàn lâm KH&CN VN; Mã số: VAST.HTQT. Nga.03/2012-2013 | 2012-2013           | QĐ nghiệm thu ngày 11/5/2016<br>Xuất sắc            |
| 4  | ĐT: Nghiên cứu công nghệ chế tạo hợp kim cứng hệ WC-Co kích thước hạt mịn và siêu mịn kết khối bằng kỹ thuật ép nóng đẳng tĩnh                                 | Chủ nhiệm | Cấp Nhà nước: Mã số: KC.02.08/11-15                                                          | 5/2013 – 9/2015     | QĐ nghiệm thu ngày 25/4/2016<br>Khá                 |

|    |                                                                                                                                                                       |           |                                                                                  |           |                                           |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------------------------|
| 5  | Hợp phần Dự án (trương đương đề tài cấp Viện Hàn lâm): Nghiên cứu công nghệ chế tạo một chủng loại hợp kim vonfram ứng dụng làm lõi đạn xuyên động năng trong quân sự | Chủ nhiệm | Cấp bộ: Viện Hàn lâm KH&CN VN; Mã số: VAST.TĐ.AN-QP.02/14-16                     | 2014-2016 | QĐ nghiệm thu ngày 16/12/2016<br>Xuất sắc |
| 6  | ĐT: Nghiên cứu chế tạo vật liệu titan xấp phủ màng tương thích sinh học ứng dụng trong ngành phẫu thuật chỉnh hình                                                    | Chủ nhiệm | Cấp bộ: Viện Hàn lâm KH&CN VN; Mã số: VAST03.02/14-15                            | 2014-2015 | QĐ nghiệm thu ngày 25/11/2016<br>Khá      |
| II | <b>Sau khi được công nhận PGS</b>                                                                                                                                     |           |                                                                                  |           |                                           |
| 7  | ĐT: Phát triển công nghệ chế tạo implant ứng dụng trong chấn thương chỉnh hình bằng kỹ thuật ép nóng đẳng tĩnh bột hợp kim titan                                      | Chủ nhiệm | Cấp bộ: Đề tài hợp tác quốc tế cấp Viện Hàn lâm KH&CN VN                         | 2017-2018 | QĐ nghiệm thu ngày 30/3/2020              |
| 8  | Hợp phần Dự án (trương đương đề tài cấp Viện Hàn lâm): Nghiên cứu công nghệ chế tạo lõi xuyên động năng cho đạn pháo 100 mm dùng trên xe tăng T-54/55                 | Chủ nhiệm | Cấp bộ: Viện Hàn lâm KH&CN VN; Mã số: VAST.TĐ.QP.02/17-19                        | 2017-2019 | QĐ nghiệm thu ngày 31/12/2020<br>Xuất sắc |
| 9  | ĐT: Nghiên cứu phát triển hợp kim entropy cao dùng để tích trữ hydro.                                                                                                 | Chủ nhiệm | Cấp bộ: Đề tài hợp tác quốc tế cấp Viện Hàn lâm KH&CN VN; Mã số: QTSK01.02/20-21 | 2020-2021 | QĐ nghiệm thu ngày 24/10/2023<br>Xuất sắc |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH                               | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI (IF), SCOPUS (CiteScore) (Qi-Scimago) | Số lần trích dẫn | Tập, số, trang        | Tháng, năm công bố |
|----|------------------------------------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------|--------------------|
| I  | <b>Trước khi được công nhận PGS/TS</b>               |            |                  |                                                 |                                                                        |                  |                       |                    |
|    | <b>Tạp chí quốc tế uy tín (SCI, SCIE, SCOPUS)</b>    |            |                  |                                                 |                                                                        |                  |                       |                    |
| 1  | Calculation of the friction coefficient of Cu matrix | 8          |                  | Computational Materials Science                 | SCI,                                                                   | 43               | Tập 49(4) Tr: 239-241 | 2010               |

|   |                                                                                                                                                                         |    |                   |                                                                                        |                                    |     |                               |                        |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----|-------------------------------|------------------------|
|   | composite reinforced by carbon nanotubes                                                                                                                                |    |                   | ISSN: 0927-0256                                                                        | IF = 3.3 (2024), (Q1)              |     |                               |                        |
| 2 | Microstructural evolution and some mechanical properties of nanosized yttrium oxide dispersion strengthened 13Cr steel                                                  | 6  |                   | <i>Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology</i><br>ISSN: 2043-6262 | ESCI, SCOPUS<br>IF=2.1 (2024) (Q2) | 10  | Tập 1(3)<br>Tr: 035009        | 2010                   |
| 3 | The effect of sintering temperature on the mechanical properties of a Cu /CNT nanocomposite prepared via a powder metallurgy method                                     | 9  |                   | <i>Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology</i><br>ISSN: 2043-6262 | ESCI, SCOPUS<br>IF=2.1 (2024) (Q2) | 92  | Tập 2(1)<br>Tr: 015006        | 2011                   |
| 4 | A method to obtain homogeneously dispersed carbon nanotubes in Al powders for preparing Al/CNTs nanocomposite                                                           | 8  |                   | <i>Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology</i><br>ISSN: 2043-6262 | ESCI, SCOPUS<br>IF=2.1 (2024) (Q2) | 18  | Tập 4(2)<br>Tr: 025015        | 2013                   |
| 5 | Effects of carbon nanotube content and annealing temperature on the hardness of CNT reinforced aluminum nanocomposites processed by the high pressure torsion technique | 10 | Tác giả chính (1) | <i>Journal of Alloys and Compounds</i><br>ISSN: 0925-8388                              | SCI<br>IF=6.3 (2024) (Q1)          | 77  | Tập 613<br>Tr: 68-73          | 2014                   |
| 6 | Fabrication, Microstructure, and Microhardness of Copper Composites Reinforced by Carbon Nanotube                                                                       | 13 |                   | <i>Physics of the Solid State</i><br>ISSN:1090-6460                                    | SCIE<br>IF=1.8 (2024) (Q4)         | 12  | Tập 57(6)<br>Tr: 1206-1212    | 2015                   |
| 7 | Influence of sintering temperature on microstructure and mechanical properties of WC-8Ni cemented carbide produced by vacuum sintering;                                 | 4  | Tác giả chính (1) | <i>Ceramics International</i><br>ISSN: 1873-3956                                       | SCI,<br>IF=5.6 (2024) (Q1)         | 41  | Tập 42(13)<br>Tr: 14937-14943 | 2016                   |
| 8 | Effect of sintering temperature on properties of CNT/Al composite prepared by capsule-free hot isostatic pressing technique                                             | 4  | Tác giả chính (2) | <i>Transactions of the Indian Institute of Metals</i><br>ISSN: 0975-1645               | SCIE<br>IF=1.6 (2024) (Q2)         | 22  | Tập 70(4)<br>Tr: 947–955      | 2017 (online năm 2016) |
| 9 | Removing ammonium from water using modified corncob-biochar                                                                                                             | 7  |                   | <i>Science of the Total Environment</i><br>ISSN: 1879-1026                             | SCI<br>IF=8.0 (2024) (Q1)          | 254 | Tập 579<br>Tr: 612-619        | 2017 (online năm 2016) |

|    |                                                                                                                                                                  |   |                   |                                                                                                                                                                             |                                                                                |   |                          |      |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|---|--------------------------|------|
|    | <b>Tạp chí quốc tế khác có ISSN</b>                                                                                                                              |   |                   |                                                                                                                                                                             |                                                                                |   |                          |      |
| 10 | The Relationship Between Chromium Content and Erosion- Corrosion Resistance of Fe-Cr-C Alloy System                                                              | 4 |                   | <i>Corrosion Science and Technology (Journal of the Korean Corrosion Society)</i><br>ISSN: 1598-6462 (Print)<br>ISSN: 2288-6524 (online)                                    | ESCI since 2017<br>SCOPUS since 2019<br>IF=N/A<br>CiteScore=1.5 (2024)<br>(Q3) | 1 | Tập 31(1)<br>Tr: 59-62   | 2002 |
| 11 | Fabrication, microstructure and mechanical properties of ultrafine grained WC-12Co cemented carbide using flake-like porous Co <sub>3</sub> O <sub>4</sub> oxide | 4 | Tác giả chính (1) | <i>Powder Metallurgy Progress;</i><br>ISSN 1339-4533 (online)<br>ISSN 1335-8987 (print)<br><a href="https://sciendo.com/journal/PM">https://sciendo.com/journal/PM</a><br>P | SCOPUS since 2018<br>CiteScore=0.8 (2024)<br>(Q4)                              | 1 | Tập 15(2)<br>Tr:246-252  | 2015 |
| 12 | Production and properties of copper matrix composite containing multi-wall carbon nanotubes                                                                      | 4 |                   | <i>Powder Metallurgy Progress,</i><br>ISSN 1339-4533 (online)<br>ISSN 1335-8987 (print)<br><a href="https://sciendo.com/journal/PMP">https://sciendo.com/journal/PMP</a>    | SCOPUS since 2018<br>CiteScore=0.8 (2024)<br>(Q4)                              | 2 | Tập 15(2)<br>Tr:253-261  | 2015 |
| 13 | Luminescence Properties of Ba <sub>3</sub> Si <sub>6</sub> O <sub>12</sub> N <sub>2</sub> :Eu <sup>2+</sup> Green Phosphor                                       | 3 |                   | <i>Journal of the Korean institute of surface engineering</i><br>ISSN 1225-8024(Print)<br>ISSN 2288-8403(Online)                                                            |                                                                                | 1 | Tập 48(5)<br>Tr: 211-217 | 2015 |
|    | <b>Tạp chí quốc gia</b>                                                                                                                                          |   |                   |                                                                                                                                                                             |                                                                                |   |                          |      |
| 14 | Về thành phần và cấu trúc pha của hợp kim nhôm Al <sub>8</sub> Si <sub>3</sub> CuMg                                                                              | 3 |                   | <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Viện Hàn lâm KHCNVN</i><br>ISSN 0866 708X                                                                                                |                                                                                |   | Tập 37(3)<br>Tr: 40-44   | 1999 |
| 15 | Khảo sát ảnh hưởng của các tạp chất trong hợp kim trung gian silumin khi sử dụng để chế tạo hợp kim nhôm đúc dùng trong chế tạo máy                              | 3 |                   | <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Viện Hàn lâm KHCNVN</i><br>ISSN 0866 708X                                                                                                |                                                                                |   | Tập 41(2)<br>Tr: 57-62   | 2003 |
| 16 | Thành phần và cấu trúc tế vi của hợp kim hệ Fe-Cr-C liên quan đến tính chống mài mòn và chống ăn mòn xâm thực trong môi trường nước mỏ                           | 3 |                   | <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Viện Hàn lâm KHCNVN</i><br>ISSN 0866 708X                                                                                                |                                                                                |   | Tập 42(3)<br>Tr: 54-58   | 2004 |
| 17 | Ảnh hưởng của thành phần pha nền kim loại đến khả năng chịu ăn mòn của gang trắng cao crôm                                                                       | 2 | Tác giả chính (1) | <i>Tạp chí Khoa học công nghệ Kim loại</i>                                                                                                                                  |                                                                                |   | Số 1<br>Tr: 18-20        | 2005 |



|    |                                                                                                                                           |   |                      |                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |                    |      |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--------------------|------|
| 27 | Ảnh hưởng của silic và mangan đến chuyển biến trong pha rắn của hợp kim hệ Fe-Cr-C                                                        | 2 | Tác giả chính<br>(1) | <i>Những vấn đề hiện đại của vật lý chất rắn, Tập III-B (Báo cáo Hội nghị vật lý chất rắn toàn quốc lần thứ IV, Núi Cốc 6-7/11/2003)</i><br>Nhà Xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội 2004<br>Giấy phép xuất bản số 133/QĐ-CXB ngày 05/7/2004 |  |  | Trang: 754-758     | 2004 |
| 28 | Nghiên cứu cấu trúc của gang trắng hợp kim crôm cao bằng kỹ thuật SEM/EDX                                                                 | 7 | Tác giả chính<br>(1) | <i>Tuyển tập các báo cáo tại Hội nghị vật lý chất rắn toàn quốc lần thứ V</i><br>Nhà Xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ, 2008<br>Giấy phép xuất bản số 600/XB-QLXB ngày 21/3/2008                                                        |  |  | Trang: 879-882     | 2008 |
| 29 | Nghiên cứu chế tạo vật liệu ma sát tổ hợp kim loại – gốm bằng kỹ thuật luyện kim bột và ứng dụng                                          | 4 | Tác giả chính<br>(1) | <i>Tuyển tập các báo cáo Hội nghị Vật lý chất rắn và Khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ VI.</i><br>Nhà Xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ, 2010<br>Số đăng ký KHXB: 1125/CXB/001-08/KHTNCN                                              |  |  | Trang: 1223 - 1226 | 2010 |
| 30 | Armirovannye uglerodnymi nanotrubkami kompozity s metallicheskoj matricей, poluchennye intensivnoy plasticheskoy deformatsiei (Tiếng Nga) | 8 |                      | <i>Sbornik statei: Mezdunarodnyi simpozium: Perspektivnye materialy i tekhnologii (226 trang)</i><br>29/5-1/5/2013;<br>Vitebsk-Belarus;<br>ISBN 978-985-481-305-9                                                                             |  |  | Trang: 27-29       | 2013 |
| 31 | Effect of sintering time on microstructure and mechanical properties of WC-10AISI304 hardmetals                                           | 5 |                      | <i>Tuyển tập các báo cáo Hội nghị Vật lý chất rắn và Khoa học</i>                                                                                                                                                                             |  |  | Trang: 489-492     | 2014 |

|    |                                                                                                         |   |                   |                                                                                                                                                                                                          |  |  |                |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|----------------|------|
|    |                                                                                                         |   |                   | <p><i>vật liệu toàn quốc lần thứ VIII</i></p> <p>Nhà Xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ, 2014</p> <p>ISBN: 978-604-913-368-8</p>                                                                    |  |  |                |      |
| 32 | Fabrication, Microstructure and Mechanical properties of Ultrafine grained WC – Co Hard alloy           | 7 | Tác giả chính (1) | <p><i>Proceedings of the 7<sup>th</sup> International Workshop on Advance Materials Science and nanotechnology</i></p> <p>Publishing House for Science and Technology</p> <p>ISBN: 987-604-913-301-5</p> |  |  | Trang: 40-47   | 2014 |
| 33 | Synthesis and characteristics of multilayer TiAlSiN/CrN coatings.                                       | 4 |                   | <p><i>Proceedings of the 7<sup>th</sup> International Workshop on Advance Materials Science and nanotechnology</i></p> <p>Publishing House for Science and Technology</p> <p>ISBN: 987-604-913-301-5</p> |  |  | Trang: 138-143 | 2014 |
| 34 | Synthesis of Eu <sub>2</sub> O <sub>3</sub> -doped CaAlSiN <sub>3</sub> for Red Light-Emitting Phosphor | 5 |                   | <p><i>Proceedings of the 13<sup>th</sup> Asian Foundry Congress; Hanoi, 11/2015</i></p> <p>Bach Khoa Publishing House</p> <p>ISBN: 978-604-938-550-6</p>                                                 |  |  | Trang: 215-220 | 2015 |
| 35 | Study on Fabrication of Multilayer TiAlSiN/CrN Coating on WC-Co Substrate by DC Magnetron Sputtering    | 2 | Tác giả chính (2) | <p><i>Proceedings of the 13<sup>th</sup> Asian Foundry Congress; Hanoi, 11/2015</i></p> <p>Bach Khoa Publishing House</p> <p>ISBN: 978-604-938-550-6</p>                                                 |  |  | Trang: 261-265 | 2015 |
| 36 | Ứng dụng công nghệ luyện kim bột chế tạo vật liệu ma                                                    | 2 |                   | <p><i>Kỷ yếu Hội nghị khoa học và công nghệ</i></p>                                                                                                                                                      |  |  | Trang: 267-275 | 2015 |

|    |                                                                                                                                         |   |                   |                                                                                                                                                                                                                                           |  |  |                |      |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|----------------|------|
|    | sát nền bột sắt làm má phanh tàu vận tải đường sắt                                                                                      |   |                   | toàn quốc về cơ khí lần thứ IV, TP. Hồ Chí Minh 11/2015<br>NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh<br>ISBN: 978-604-73-3691-3                                                                                                                |  |  |                |      |
| 37 | Tính chất ma sát học của vật liệu ma sát nền bột sắt thiêu kết và ép nóng ứng dụng làm phanh tàu vận tải đường sắt                      | 2 |                   | Kỷ yếu Hội nghị khoa học và công nghệ toàn quốc về cơ khí lần thứ IV, TP. Hồ Chí Minh 11/2015<br>NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh<br>ISBN: 978-604-73-3691-3                                                                          |  |  | Trang: 276-282 | 2015 |
| 38 | Carbon nanotube reinforced metal matrix composites processed by high pressure torsion technique                                         | 9 | Tác giả chính (1) | <i>Proceedings of Scientific workshop on "Progress and trends in science and technology" commemorating 10 years of partnership between the VAST 26 and the RFBR Hanoi, February 2016</i><br>Thế Giới Publishers<br>ISBN: 978-604-77-226-6 |  |  | Trang: 124-135 | 2016 |
| 39 | Ảnh hưởng của ép nóng đẳng tĩnh bổ sung đến cấu trúc và tính chất của hợp kim nặng W-10Ni                                               | 3 | Tác giả chính (2) | <i>Tuyển tập Hội thảo Khoa học cấp Quốc gia Luyện kim và Công nghệ Vật liệu tiên tiến – Kỷ niệm 60 năm Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2016</i><br>NXB Bách Khoa Hà Nội<br>ISBN: 978-604-95-0019-0.                                             |  |  | Trang: 183-188 | 2016 |
| 40 | Ảnh hưởng của hàm lượng chất chiếm chỗ và lực ép đến cấu trúc và cơ tính của vật liệu titan xấp chế tạo bằng phương pháp luyện kim bột, | 2 | Tác giả chính (2) | <i>Tuyển tập Hội thảo Khoa học cấp Quốc gia Luyện kim và Công nghệ Vật liệu tiên tiến – Kỷ niệm 60 năm Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2016</i>                                                                                                 |  |  | Trang: 189-194 | 2016 |

|           |                                                                                                                                                      |   |                      |                                                                                                                                                                                         |                                         |   |                           |      |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---|---------------------------|------|
|           |                                                                                                                                                      |   |                      | NXB Bách Khoa Hà Nội<br>ISBN: 978-604-95-0019-0.                                                                                                                                        |                                         |   |                           |      |
| 41        | Effect of Ni content and sintering parameters on microstructure and properties of W-Ni heavy alloys sintered by a vacuum furnace                     | 5 | Tác giả chính<br>(1) | <i>Proceeding of the 5th Asian Materials Data Symposium, Oct 30<sup>th</sup> – Nov 02<sup>nd</sup> 2016,</i><br>Publishing House for Science and Technology<br>ISBN: 978-604-913-500-2. |                                         |   | Trang: 216-223            | 2016 |
| 42        | Structure and properties of the TiAlBN coatings                                                                                                      | 2 |                      | <i>Proceeding of the 5th Asian Materials Data Symposium, Oct 30<sup>th</sup> – Nov 02<sup>nd</sup> 2016,</i><br>Publishing House for Science and Technology<br>ISBN: 978-604-913-500-2. |                                         |   | Trang: 186-193            | 2016 |
| 43        | Evaluation of biocompatible of hydroxyapatite coatings on porous titanium substrate prepared by sol-gel method                                       | 5 |                      | <i>Proceeding of the 5th Asian Materials Data Symposium, Oct 30<sup>th</sup> – Nov 02<sup>nd</sup> 2016,</i><br>Publishing House for Science and Technology<br>ISBN: 978-604-913-500-2. |                                         |   | Trang: 205-215            | 2016 |
| <b>II</b> | <b>Sau khi được công nhận PGS (11/2016)</b>                                                                                                          |   |                      |                                                                                                                                                                                         |                                         |   |                           |      |
|           | <b><i>Tạp chí quốc tế uy tín (SCI, SCIE, SCOPUS)</i></b>                                                                                             |   |                      |                                                                                                                                                                                         |                                         |   |                           |      |
| 44        | Influence of nitrogen gas flow on the hardness and the tribological properties of a TiAlBN coating deposited by using a magnetron sputtering process | 4 |                      | <i>Journal of the Korean Physical Society</i><br>ISSN: 1976-8524<br>(online)                                                                                                            | SCIE<br>IF=0.8 (2023)<br>(Q3)           | 7 | Tập 70(10)<br>Tr: 929-933 | 2017 |
| 45        | Effect of ultrasonic-assisted compaction on density and hardness of Cu-CNT nanocomposites sintered by capsule-free hot isostatic pressing            | 5 |                      | <i>Acta Metallurgica Slovaca</i><br>ISSN: 1338-1156<br>(online)                                                                                                                         | ESCI,<br>SCOPUS<br>IF=1.0(2024)<br>(Q3) | 6 | Tập 23 (1),<br>Tr: 30-36  | 2017 |

|    |                                                                                                                                                                                |   |                   |                                                                                            |                                                                    |    |                         |      |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|----|-------------------------|------|
| 46 | Microstructure, microhardness and thermal expansion of CNT/Al composites prepared by flake powder metallurgy                                                                   | 7 |                   | <i>Composites Part A: Applied Science and Manufacturing</i><br>ISSN: 1878-5840<br>(online) | SCI<br>IF =8.9(2024)<br>(Q1)                                       | 77 | Tập 105, Tr: 126-137    | 2018 |
| 47 | Effect of oxidation of SiC particles on mechanical properties and wear behavior of SiCp/Al6061 composites                                                                      | 5 |                   | <i>Journal of Alloys and Compounds</i><br>ISSN: 0925-8388                                  | SCI,<br>IF=6.3(2024)<br>(Q1)                                       | 68 | Tập 769, Tr: 282-292    | 2018 |
| 48 | Microstructure and microhardness of aluminum-copper composite reinforced with multi-walled carbon nanotubes prepared by vacuum sintering and hot isostatic pressing techniques | 4 |                   | <i>Science of Sintering</i><br>ISSN: 1820-7413<br>(online)                                 | SCIE<br>IF=1.3(2024)<br>(Q2)                                       | 17 | Tập 50 (2), Tr: 163-171 | 2018 |
| 49 | Microstructure, mechanical and tribological behavior of the TiAlVN coatings                                                                                                    | 5 | Tác giả chính (2) | <i>Acta Metallurgica Slovaca</i><br>ISSN: 1338-1156<br>(online)                            | ESCI,<br>SCOPUS<br>IF=1.0(2024)<br>(Q3)                            | 7  | Tập 24(4), Tr: 266-272  | 2018 |
| 50 | Effect of binder composition and sintering temperature on the microstructure and mechanical properties of WC-7 (Ni, Fe) hard alloys prepared by free capsule hip technique     | 4 | Tác giả chính (2) | <i>Acta Metallurgica Slovaca</i><br>ISSN: 1338-1156<br>(online)                            | ESCI,<br>SCOPUS<br>IF=1.0(2024)<br>(Q3)                            | 5  | Tập 25 (2), Tr: 123-129 | 2019 |
| 51 | Microstructure and mechanical properties of Ti6Al4V alloy consolidated by different sintering techniques;                                                                      | 5 | Tác giả chính (2) | <i>Metals</i><br>ISSN: 2075-4701<br>(online)                                               | SCIE<br>IF=2.5(2024)<br>(Q1)                                       | 9  | Tập 9 (10), Tr: 1033    | 2019 |
| 52 | Field electron emission from a copper-based composite reinforced with carbon nanotubes;                                                                                        | 6 |                   | <i>Letters on Materials</i><br>ISSN: 2218-5046 (print)<br>ISSN 2410-3535 (online)          | ESCI,<br>SCOPUS<br>IF=0.8(2023)<br>CiteScore=1.5<br>(2024)<br>(Q3) | 9  | Tập 9 (4s), Tr: 566-570 | 2019 |
| 53 | Enhanced mechanical and wear properties of Al6061 alloy nanocomposite reinforced by CNT-template-grown core-shell CNT/SiC nanotubes                                            | 5 |                   | <i>Scientific Reports</i><br>ISSN: 2045-2322                                               | SCIE<br>IF=3.9(2024)<br>(Q1)                                       | 52 | Tập 10 (1), Tr: 12896   | 2020 |

|    |                                                                                                                                              |    |                                        |                                                                     |                              |    |                               |      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------|----|-------------------------------|------|
| 54 | Electrodeposited nickel–graphene nanocomposite coating: effect of graphene nanoplatelet size on its microstructure and hardness              | 8  |                                        | <i>RSC Advances</i><br>ISSN: 2046-2069                              | SCI<br>IF=4.6(2024)<br>(Q1)  | 29 | Tập 10(37)<br>Tr: 22080-22090 | 2020 |
| 55 | Enhanced mechanical properties and wear resistance of cold-rolled carbon nanotubes reinforced copper matrix composites                       | 10 | Tác giả chính (3)<br>2 tác giả liên hệ | <i>Materials Research Express</i><br>ISSN: 2053-1591                | SCIE<br>IF=2.2(2024)<br>(Q2) | 14 | Tập 7 (1), Tr: 015069         | 2020 |
| 56 | Detonation spraying of Ti-Cu mixtures in different atmospheres: Carbon, nitrogen and oxygen uptake by the powders                            | 10 |                                        | <i>Surfaces and Interfaces</i><br>ISSN: 24680230                    | SCIE<br>IF=6.3(2024)<br>(Q1) | 11 | Tập 21,<br>Tr: 100676         | 2020 |
| 57 | Effect of annealing temperature on electrical and thermal property of cold-rolled multi-walled carbon nanotubes reinforced copper composites | 10 | Tác giả chính (3)<br>2 tác giả liên hệ | <i>Diamond and Related Materials</i><br>ISSN: 1879-0062<br>(online) | SCI<br>IF=5.1(2024)<br>(Q1)  | 20 | Tập 108, Tr: 107980           | 2020 |
| 58 | Microstructure and mechanical properties of MWCNT/Ti6Al4V composites consolidated by vacuum sintering                                        | 4  | Tác giả chính (2)                      | <i>Science of Sintering</i><br>ISSN: 1820-7413<br>(online)          | SCIE<br>IF=1.3(2024)<br>(Q2) | 6  | Tập 52(2),<br>Tr: 187-194     | 2020 |
| 59 | Solar cell based on hybrid structural SiNW/Poly (3, 4 ethylenedioxythiophene): poly (styrenesulfonate)/graphene                              | 10 |                                        | <i>Global Challenges</i><br>ISSN:2056-6646<br>(online)              | SCIE<br>IF=6.4(2024)<br>(Q1) | 25 | Tập 4(9), Tr: 2000010         | 2020 |
| 60 | Soft Magnetic and Mechanical Properties of FeNiCoSi <sub>0.25</sub> Al <sub>x</sub> (x= 0–1) High Entropy Alloys Prepared by Arc Melting     | 6  |                                        | <i>Materials transactions</i><br>ISSN: 1347-5320<br>(online)        | SCIE<br>IF=1.9(2024)<br>(Q2) | 7  | Tập 62(11),<br>Tr:1597-1603   | 2021 |
| 61 | Characterization of Sputtered Coatings with Various Nitrogen Content Deposited from High Aluminum Alloyed TiAlV Target                       | 6  | Tác giả chính (2)                      | <i>Materials transactions</i><br>ISSN: 1347-5320<br>(online)        | SCIE<br>IF=1.9(2024)<br>(Q2) | 3  | Tập 62(1),<br>Tr: 82-87       | 2021 |

|    |                                                                                                                                                                                               |    |                                        |                                                                                                                                                                               |                                                     |    |                         |      |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----|-------------------------|------|
| 62 | Obtaining graphene structures and nanopolymers using ultrasonic vibrations<br><a href="https://vektornaukitech.ru/jour/article/view/156">https://vektornaukitech.ru/jour/article/view/156</a> | 7  |                                        | <i>Frontier Materials &amp; Technologies</i><br>ISSN 2782-4039 (Print)<br>ISSN 2782-6074 (Online)<br><i>Tên cũ: Vektor nauki Tolyattinskogo Gosudarstvennogo Universiteta</i> | SCOPUS since 2021<br>CiteScore=0.7 (2024)<br>(Q4)   | 1  | Số 3,<br>Tr: 74–83      | 2021 |
| 63 | Effect of boron addition on the microstructure and mechanical properties of refractory Al0.1CrNbVMo high-entropy alloy                                                                        | 6  |                                        | <i>International Journal of Refractory Metals and Hard Materials</i><br>ISSN: 0263-4368 (online)                                                                              | SCIE<br>IF=4.6(2024)<br>(Q1)                        | 25 | Tập 100,<br>Tr:105636   | 2021 |
| 64 | Electrodeposited nickel–graphene nanocomposite coating: influence of graphene nanoplatelet size on wear and corrosion resistance                                                              | 11 |                                        | <i>Applied Nanoscience</i><br>ISSN: 21905509, 21905517                                                                                                                        | (SCIE 2021)<br>SCOPUS<br>CiteScore=7.8 (2024); (Q2) | 16 | Tập 11,<br>Tr:1481-1490 | 2021 |
| 65 | Dependence of Particle Size and Geometry of Copper Powder on the Porosity and Capillary Performance of Sintered Porous Copper Wicks for Heat Pipes                                            | 6  | Tác giả chính (4)<br>3 tác giả liên hệ | <i>Metals</i><br>ISSN: 2075-4701 (online)                                                                                                                                     | SCIE<br>IF=2.5(2024)<br>(Q1)                        | 2  | Tập 12(10),<br>Tr: 1716 | 2022 |
| 66 | Effect of Initial Powder Particle Size on Permeability and Corrosion Behavior of Biomedical Porous Ti6Al4V Alloy Prepared by Powder Metallurgy Technique                                      | 4  | Tác giả chính (2)                      | <i>Science of Sintering</i><br>ISSN: 1820-7413 (online)                                                                                                                       | SCIE<br>IF=1.3(2024)<br>(Q2)                        | 4  | Tập 54(1)<br>Tr:93-103  | 2022 |
| 67 | Mechanical and wear properties of SiCp/CNT/Al6061 hybrid metal matrix composites                                                                                                              | 6  |                                        | <i>Diamond and Related Materials</i><br>ISSN: 1879-0062 (online)                                                                                                              | SCIE<br>IF=5.1(2024)<br>(Q1)                        | 27 | Tập 124,<br>Tr:108952   | 2022 |
| 68 | Hexagonal boron nitride nanosheets reinforcing Ni-Mo alloy coating for improved wear resistance                                                                                               | 11 |                                        | <i>Materials Letters</i><br>ISSN: 0167-577X                                                                                                                                   | SCIE<br>IF=2.7(2024)<br>(Q2)                        | 6  | Tập 352,<br>Tr:135054   | 2023 |
| 69 | Impact of reactive nitrogen flow on morphology, mechanical properties, and biocorrosion behavior of sputtered TiN coatings                                                                    | 8  |                                        | <i>Surface Topography: Metrology and Properties</i><br>ISSN: 2051-672X                                                                                                        | SCIE<br>IF=2.2(2024)<br>(Q2)                        | 1  | Tập 11(3)<br>Tr:035002  | 2023 |

|    |                                                                                                                                                                              |    |                      |                                                                                                     |                              |   |                             |      |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|---|-----------------------------|------|
|    | towards orthopedic applications;                                                                                                                                             |    |                      |                                                                                                     |                              |   |                             |      |
| 70 | Multi-component soft magnetic alloy FeNiCoAl <sub>0.4</sub> Mo <sub>0.1</sub> Si <sub>0.4</sub> B <sub>0.1</sub> with high frequency stability of permeability               | 10 |                      | <i>Materials Science and Engineering: B</i><br>ISSN: 0921-5107                                      | SCIE<br>IF=4.6(2024)<br>(Q2) | 5 | Tập 293,<br>Tr:116485       | 2023 |
| 71 | Effect of Hf Concentration on the Microstructure and Room Temperature Mechanical Properties of Light-Weight TiVZrNbHf <sub>x</sub> (x= 0–1.0) Refractory High Entropy Alloys | 6  | Tác giả chính<br>(2) | <i>Materials Transactions</i><br>ISSN: 1347-5320<br>(online)                                        | SCIE<br>IF=1.9(2024)<br>(Q2) | 1 | Tập 64(10),<br>Tr: 523-2529 | 2023 |
| 72 | Characteristics and Sintering Behavior of (Hf-Ta-Ti-Zr-Nb)C High-Entropy Carbides Fabricated by High-Energy Ball Milling and Spark Plasma Sintering                          | 9  |                      | <i>Journal of Ceramic Science and Technology</i><br>ISSN: 2190-9385<br>(online)                     | SCIE<br>IF=0.4(2024)<br>(Q4) | 0 | Tập 14(1),<br>Tr:17-24      | 2023 |
| 73 | Microstructure and microhardness of conical-shaped W-Cu composites prepared by spark plasma sintering and subsequent spinning process                                        | 7  | Tác giả chính<br>(2) | <i>IEEE Access</i><br>ISSN: 2169-3536                                                               | SCIE<br>IF=3.6(2024)<br>(Q1) | 0 | Tập 12,<br>Tr:7853-7863     | 2024 |
| 74 | Effect of Tungsten Contents on the Jet Penetration Performance of Shaped Charge Liner Based Copper-Tungsten Composites                                                       | 7  | Tác giả chính<br>(2) | <i>Frontiers in Materials</i><br>ISSN: 22968016                                                     | SCIE<br>IF=2.9(2024)<br>(Q2) | 2 | Tập 11,<br>Tr:1308290       | 2024 |
| 75 | Microstructure, mechanical properties, and corrosion behavior of TiVNbZrHf high entropy alloys fabricated by multi-step spark plasma sintering                               | 7  | Tác giả chính<br>(2) | <i>International Journal of Refractory Metals and Hard Materials</i><br>ISSN: 0263-4368<br>(online) | SCIE<br>IF=4.6(2024)<br>(Q1) | 7 | Tập 119,<br>Tr:106529       | 2024 |
| 76 | Oxygen vacancy-activated thermoelectric properties of ZnO ceramics                                                                                                           | 12 |                      | <i>Ceramics International</i><br>ISSN: 1873-3956                                                    | SCIE<br>IF=5.6(2024)<br>(Q1) | 8 | Tập 50(2)<br>Tr:3511-3518   | 2024 |
| 77 | Preliminary fabrication and analysis of a novel porous Cu-CNT composite for photothermal applications                                                                        | 9  |                      | <i>Materials Research Express</i><br>ISSN: 2053-1591                                                | SCIE<br>IF=2.2(2024)<br>(Q2) | 0 | Tập 11,<br>Tr:055603        | 2024 |
| 78 | Fabrication of graphene from graphite using high-                                                                                                                            | 10 |                      | <i>Materials Research Express</i>                                                                   | SCIE<br>IF=2.2(2024)         | 0 | Tập 11,<br>Tr:025006        | 2024 |

|    |                                                                                                                                                                                 |    |                      |                                                                            |                               |    |                             |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----|-----------------------------|------|
|    | powered ultrasonic vibrators                                                                                                                                                    |    |                      | ISSN: 2053-1591                                                            | (Q2)                          |    |                             |      |
| 79 | Outstanding performance of FeNiCoCr-based high entropy alloys: The role of grain orientation and microsegregation                                                               | 8  |                      | <i>Journal of Alloys and compounds</i><br>ISSN: 0925-8388                  | SCIE<br>IF=6.3(2024)<br>(Q1)  | 13 | Tập 973(5)<br>Tr:172860     | 2024 |
| 80 | Influence of sintering temperature on microstructure and electrical properties of titanium porous-transport layers for proton exchange membrane water electrolyzer applications | 5  | Tác giả chính<br>(2) | <i>Bulletin of Materials Science</i><br>ISSN: 0973-7669<br>(online)        | SCIE<br>IF=2.1(2024)<br>(Q2)  |    | Tập 48:25<br>Tr: 2-9        | 2025 |
| 81 | Effect of Powder Preparation Techniques on Microstructure, Mechanical Properties, and Wear Behaviors of Graphene-Reinforced Copper Matrix Composites                            | 5  | Tác giả chính<br>(2) | <i>Crystals</i><br>ISSN: 2073-4352                                         | SCIE<br>IF=2.4 (2024)<br>(Q2) | 2  | Tập 14, 1000<br>Tr: 2-11    | 2025 |
| 82 | Mechanical and wear properties of 2D material (GO, BNNP) reinforced magnesium matrix composite consolidated by spark plasma sintering                                           | 7  | Tác giả chính<br>(2) | <i>MRS Communications</i><br>ISSN: 2159-6867<br>(online)                   | SCIE<br>IF=2.3 (2024)<br>(Q3) |    | Tập 15,<br>Tr: 279–284      | 2025 |
| 83 | Preparation, thermal and lubricant properties of paraffin based nanofluid containing boron nitride nanoplatelets                                                                | 12 |                      | <i>Materials Letters</i><br>ISSN: 0167-577X                                | SCIE<br>IF=2.7 (2024)<br>(Q2) |    | Tập 381<br>Tr: 137765       | 2025 |
| 84 | Effect of Annealing Temperature on Microstructure, Mechanical and Corrosion Properties of TiVNbZr <sub>0.5</sub> Hf <sub>0.5</sub> Light-Weight Refractory High Entropy Alloy   | 9  |                      | <i>Materials Transactions</i><br>ISSN: 1347-5320<br>(online)               | SCIE<br>IF=1.9 (2024)<br>(Q2) |    | Tập 6 (3)<br>Tr:277-282     | 2025 |
| 85 | Effect of Modified Graphene on the Tribotechnical Characteristics of Electrolytic Nickel-Molybdenum Coatings (Tiếng Nga: Влияние модифицированного графена на триботехнические  | 9  |                      | <i>Friction and Wear</i><br>(Tiếng Nga: Трение и износ)<br>ISSN: 0202-4977 | SCOPUS<br>CiteScore:<br>N/A   |    | Tập 46, số 2<br>Tr: 199-206 | 2025 |

|                         |                                                                                                                                          |   |                      |                                                                                                   |                                                              |  |                                                                                                             |                              |
|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
|                         | характеристики электролитических никель-молибденовых покрытий)                                                                           |   |                      |                                                                                                   |                                                              |  |                                                                                                             |                              |
| 86                      | Enhancing mechanical, tribological properties, and corrosion resistance of TiAlVN coatings through sputtering pressure variation         | 7 |                      | <i>Ceramics International</i><br>ISSN: 1873-3956                                                  | SCIE<br>IF=5.6(2024)<br>(Q1)                                 |  | <a href="https://doi.org/10.1016/j.ceramint.2025.05.135">https://doi.org/10.1016/j.ceramint.2025.05.135</a> | Xuất bản online<br>12/5/2025 |
| 87                      | Fabrication of copper matrix composite reinforced by graphene-carbon nanotube hybrid materials by spark plasma sintering technique       | 4 | Tác giả chính<br>(2) | <i>Vietnam Journal of Science and Technology</i><br>ISSN: 2525-2518 (print)<br>2815-5874 (online) | SCOPUS<br>since 11/2022<br>CiteScore = 0.6<br>(2004)<br>(Q4) |  | doi:10.15625/2525-2518/22153                                                                                | Online tháng 6/2025          |
| <b>Tạp chí quốc gia</b> |                                                                                                                                          |   |                      |                                                                                                   |                                                              |  |                                                                                                             |                              |
| 88                      | Ảnh hưởng của quá trình nghiền bi kết hợp phân tán bằng siêu âm đến cấu trúc và tính chất của hợp kim cứng WC-14Co                       | 7 |                      | <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ kim loại</i><br>ISSN: 1859-4344                                  |                                                              |  | Số 72<br>Tr: 28-35                                                                                          | 2017                         |
| 89                      | Cấu trúc và các tính chất của vật liệu đồng xốp chế tạo bằng phương pháp luyện kim bột sử dụng chất chiếm chỗ NaCl                       | 6 |                      | <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ kim loại</i><br>ISSN: 1859-4344                                  |                                                              |  | Số 94<br>Tr: 2-7                                                                                            | 2021                         |
| 90                      | Cấu trúc và tính chất của vật liệu từ mềm FeSi <sub>6,5</sub> kết khối bằng kỹ thuật thiêu kết dòng xung plasma                          | 5 |                      | <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ kim loại</i><br>ISSN: 1859-4344                                  |                                                              |  | Số 96<br>Tr: 2-8                                                                                            | 2021                         |
| 91                      | Ảnh hưởng của hàm lượng nhôm (Al) đến tính chất của hợp kim entropy cao Al <sub>x</sub> NbCrMoV kết khối bằng kỹ thuật ép nóng đẳng tĩnh | 5 |                      | <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ kim loại</i><br>ISSN: 1859-4344                                  |                                                              |  | Số 101<br>Tr: 2-8                                                                                           | 2022                         |
| 92                      | Nghiên cứu ảnh hưởng của công suất phun xạ đến tính chất của màng TiN chế tạo bằng phương pháp phun xạ magnetron                         | 7 |                      | <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ kim loại</i><br>ISSN: 1859-4344                                  |                                                              |  | Số 105<br>Tr: 2-9                                                                                           | 2022                         |
| 93                      | Nghiên cứu ảnh hưởng của một số phương pháp chế tạo phủ lót đến chiều sâu xuyên thép của lượng nổ lõm                                    | 6 | Tác giả chính<br>(2) | <i>Tạp chí nghiên cứu Khoa học Công nghệ Quân sự</i><br>ISSN: 1859-1043                           |                                                              |  | Số.85, Trang 142 – 151                                                                                      | 2023                         |

|                                             |                                                                                                                        |    |                   |                                                                                                                                                                                                          |  |  |                                 |      |
|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|---------------------------------|------|
| 94                                          | Nghiên cứu cấu trúc và độ cứng của compozit CNT/Ti6Al4V kết khối bằng kỹ thuật thiêu kết chân không                    | 4  | Tác giả chính (1) | <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ kim loại</i><br>ISSN: 1859-4344                                                                                                                                         |  |  | Số 110;<br>Trang 2-7            | 2023 |
| 95                                          | Chế tạo vật liệu graphen ít lớp từ graphit bằng phương pháp siêu âm mật độ công suất lớn                               | 9  |                   | <i>Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kỹ thuật và Công nghệ</i><br>p-ISSN: 2588-1175<br>e-ISSN: 2615-9732                                                                                                     |  |  | Tập 132, Số 2A,<br>Trang: 23–33 | 2024 |
| 96                                          | Nghiên cứu chế tạo vật liệu graphene từ graphite bằng thiết bị siêu âm mật độ công suất lớn liên hoàn                  | 12 |                   | <i>Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ (CTU Journal of Science)</i><br>ISSN: 1859-2333<br>e-ISSN: 2815-5599                                                                                                 |  |  | Tập 61, số 1A<br>Tr: 23-28      | 2025 |
| <b>Tuyển tập hội nghị quốc tế, quốc gia</b> |                                                                                                                        |    |                   |                                                                                                                                                                                                          |  |  |                                 |      |
| 97                                          | Synthesis of the TiAlVN coating deposited by magnetron sputtering using a single target,                               | 6  | Tác giả chính (2) | <i>Tuyển tập các báo cáo Hội nghị vật lý chất rắn và khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ X</i><br>NXB Bách Khoa Hà Nội 10/2017<br>ISBN: 978-604-95-0326-9                                                |  |  | Quyển 2<br>Tr: 863-867          | 2017 |
| 98                                          | Ảnh hưởng của nhiệt độ và thời gian thiêu kết đến tính chất của vật liệu Ti xốp chế tạo bằng phương pháp luyện kim bột | 5  |                   | <i>Tuyển tập các báo cáo Hội nghị vật lý chất rắn và khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ X</i><br>NXB Bách Khoa Hà Nội 10/2017<br>ISBN: 978-604-95-0326-9                                                |  |  | Quyển 2<br>Tr:889 – 892         | 2017 |
| 99                                          | Effect of TiAl target power on microstructure and mechanical behavior of sputtered TiAlCrN coatings                    | 5  |                   | <i>Proceedings of the 10<sup>th</sup> International Workshop on Advanced Materials Science and Nanotechnology, August 2021</i><br>Publishing House for Science and Technology<br>ISBN:978-604-9988-25-7. |  |  | Trang: 306-311                  | 2021 |

|     |                                                                                                                                                              |    |  |                                                                                                                                                                                                                         |  |  |                           |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|---------------------------|------|
| 100 | Electrodeposition and properties of Zn/Ni/graphene composite coatings                                                                                        | 7  |  | <p><i>Proceedings of the 10<sup>th</sup> International Workshop on Advanced Materials Science and Nanotechnology, August 2021</i></p> <p>Publishing House for Science and Technology</p> <p>ISBN:978-604-9988-25-7.</p> |  |  | Trang: 284-288            | 2021 |
| 101 | Fabrication of graphene from graphite by high energy ultrasound method,                                                                                      | 12 |  | <p><i>Proceedings of the 10<sup>th</sup> International Workshop on Advanced Materials Science and Nanotechnology, August 2021</i></p> <p>Publishing House for Science and Technology</p> <p>ISBN:978-604-9988-25-7.</p> |  |  | Trang: 279-283            | 2021 |
| 102 | Nghiên cứu tách lớp vật liệu graphene từ graphite bằng kỹ thuật rung siêu âm mật độ công suất lớn và ứng dụng làm thành phần gia cường cho lớp mạ điện niken | 9  |  | <p><i>Tuyển tập các báo cáo Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc – SPMS 2021</i></p> <p>Nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội</p> <p>ISBN: 978-604-316-838-9</p>                                             |  |  | Quyển 2<br>Trang: 966-969 | 2022 |
| 103 | Ảnh hưởng của hình dạng và kích thước bột đồng nguyên liệu đến cấu trúc và độ xốp của vật liệu đồng xốp                                                      | 4  |  | <p><i>Tuyển tập các báo cáo Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc – SPMS 2021</i></p> <p>Nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội</p> <p>ISBN: 978-604-316-838-9</p>                                             |  |  | Quyển 2<br>Trang: 970-973 | 2022 |
| 104 | Effect of sintering time on the structure, experimental and calculated porosity of porous copper samples produced via a loosen sintering technique           | 5  |  | <p><i>The 5th International Conference on Advanced Materials and Nanotechnology</i></p> <p>Bach Khoa Publishing house, Hanoi</p>                                                                                        |  |  | Trang: 131-134            | 2022 |

|     |                                                                                                                                                                                |    |  |                                                                                                                                                                                                                           |  |  |                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------------------|------|
|     |                                                                                                                                                                                |    |  | ISBN: 978-604-316-915-7                                                                                                                                                                                                   |  |  |                        |      |
| 105 | Ảnh hưởng của hàm lượng Al đến cấu trúc và một số tính chất của hợp kim entropy cao TiVZrNbAl <sub>x</sub> (x=0,25-1,0)                                                        | 11 |  | <p><i>Tuyển tập các báo cáo Hội nghị vật lý chất rắn và khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ XIII</i></p> <p>Nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội 10/2023</p> <p>ISBN:978-604-471-703-6</p>                                       |  |  | Quyển 2<br>Tr: 819-822 | 2023 |
| 106 | Nghiên cứu chế tạo vật liệu đồng xốp gia cường ống nano cacbon ứng dụng trong chuyển hoá quang nhiệt                                                                           | 8  |  | <p><i>Tuyển tập các báo cáo Hội nghị vật lý chất rắn và khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ XIII</i></p> <p>Nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội 10/2023</p> <p>ISBN:978-604-471-703-6</p>                                       |  |  | Quyển 2<br>Tr: 823-827 | 2023 |
| 107 | Fabrication of graphene from graphite using continuous high-power ultrasonic equipment                                                                                         | 12 |  | <p><i>Proceedings of the 11<sup>th</sup> International Workshop on Advanced Materials Science and Nanotechnology, September-2024</i></p> <p>Publishing House for Science and Technology</p> <p>ISBN:978-604-357-309-1</p> |  |  | Trang 77-79            | 2024 |
| 108 | Microstructure and magnetic properties of FeNiCoAl <sub>0.8</sub> Mo <sub>0.2</sub> Si <sub>0.8</sub> B <sub>0.2</sub> high entropy alloy fabricated by Spark plasma sintering | 9  |  | <p><i>Proceedings of the 11<sup>th</sup> International Workshop on Advanced Materials Science and Nanotechnology, September-2024</i></p> <p>Publishing House for Science and Technology</p> <p>ISBN:978-604-357-309-1</p> |  |  | Trang 318-321          | 2024 |
| 109 | Effect of annealing temperature on phase formation and microstructure of Mg <sub>100</sub> Ni <sub>50</sub> materials                                                          | 9  |  | <p><i>Proceedings of the 11<sup>th</sup> International Workshop on Advanced Materials Science and</i></p>                                                                                                                 |  |  | Trang 322-325          | 2024 |

|     |                                                                                                    |   |  |                                                                                                                                                                                                                              |  |  |               |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|---------------|------|
|     | produced by powder metallurgy                                                                      |   |  | Nanotechnology,<br>September-2024<br>Publishing House for<br>Science and<br>Technology<br>ISBN:978-604-357-309-1                                                                                                             |  |  |               |      |
| 110 | Effect of milling time on the phase and microstructure evolution of W-Ni-Fe-Co heavy alloy powders | 6 |  | Proceedings of the<br>11 <sup>th</sup> International<br>Workshop on<br>Advanced Materials<br>Science and<br>Nanotechnology,<br>September-2024<br>Publishing House for<br>Science and<br>Technology<br>ISBN:978-604-357-309-1 |  |  | Trang 326-328 | 2024 |

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS (*chỉ tính các bài có 2 tác giả chính gồm tác giả đầu và tác giả liên hệ*): **14 bài** gồm [49], [50], [51], [58], [61], [66], [71], [73], [74], [75], [80], [81], [82], [87].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

## 7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích                                                                                                                | Tên cơ quan cấp                                    | Ngày tháng năm cấp     | Tác giả chính/đồng tác giả | Số tác giả |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------|----------------------------|------------|
| 1  | <u>GPHI</u> : Phương pháp nấu luyện gang trắng chịu mài mòn chứa hàm lượng crôm cao trong lò cảm ứng                                                          | Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ KH&CN VN                   | 04/12/2007<br>Số 668   | Tác giả chính              | 03         |
| 2  | <u>Sáng chế</u> : Quy trình chế tạo vật liệu In/CNTs nanocomposite và kết cấu tản nhiệt sử dụng In/CNTs nanocomposite cho các linh kiện điện tử công suất cao | Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ KH&CN VN                   | 21/4/2014<br>Số 12663  | Đồng tác giả               | 06         |
| 3  | <u>Sáng chế</u> : Phương pháp sản xuất vật liệu ma sát thiêu kết chứa các hạt cứng chịu mài mòn và vật liệu thu được bằng phương pháp này                     | Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ KH&CN VN                   | 14/9/2015<br>Số 14568  | Tác giả chính              | 04         |
| 4  | <u>Sáng chế</u> : Thiết bị ép vật liệu bột (tiếng Nga)                                                                                                        | Cơ quan Sở hữu trí tuệ Quốc gia – Cộng hoà Belarus | 30/10/2017<br>Số 11491 | Đồng tác giả               | 06         |

|    |                                                                                                                                                |                                                    |                        |               |    |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------|---------------|----|
| 5  | <u>Sáng chế</u> : Phương pháp sản xuất bột vonframoxit (WO <sub>3</sub> ) có cỡ hạt nanomet và cấu trúc dạng trục thoi từ tinh quặng vonframit | Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ KH&CN VN                   | 28/8/2018<br>Số 19874  | Tác giả chính | 05 |
| 6  | <u>GPHI</u> : Phương pháp chế tạo hợp kim cứng hệ WC-Ni                                                                                        | Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ KH&CN VN                   | 06/01/2022<br>Số 2805  | Tác giả chính | 05 |
| 7  | <u>Sáng chế</u> : Phương pháp chế tạo graphene (tiếng Nga)                                                                                     | Cơ quan Sở hữu trí tuệ Quốc gia – Cộng hoà Belarus | 30/4/2023<br>Số 24013  | Đồng tác giả  | 09 |
| 8  | <u>Sáng chế</u> : Quy trình tách lớp graphit trong pha lỏng để chế tạo vật liệu graphen                                                        | Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ KH&CN VN                   | 06/11/2023<br>Số 37818 | Đồng tác giả  | 06 |
| 9  | <u>Sáng chế</u> : Thiết bị rung siêu âm mật độ công suất lớn và quy trình tách lớp graphit thành graphen                                       | Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ KH&CN VN                   | 27/02/2025<br>Số 44422 | Đồng tác giả  | 08 |
| 10 | <u>Sáng chế</u> : Quy trình chế tạo lớp mạ điện hợp kim kẽm – niken gia cường vật liệu graphen                                                 | Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ KH&CN VN                   | 10/4/2025<br>45641     | Đồng tác giả  | 5  |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm Phó Giáo sư: **02 sáng chế, GPHI** gồm số [5] và số [6].

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN                                                              | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng                           | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế            | Ghi chú                                                       |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 1  | Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2022, ngành Kim loại học, mã số: 9 44 01 29 tại Học viện Khoa học và Công nghệ | Chủ trì                        | Quyết định số 203/QĐ-HVKHCN ngày 15/3/2022   | Học viện Khoa học và Công nghệ - Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam | Quyết định số 69/QĐ-HVKHCN ngày 10/02/2023 | Phê duyệt Chương trình đào tạo và đưa vào áp dụng từ năm 2023 |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): đủ 3 năm

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo: Không thiếu

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không thiếu

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Thiếu năm 2022-2023; số giờ thiếu: 38,4 giờ (96,6 giờ quy đổi so với 135 giờ chuẩn định mức)

- Hướng dẫn chính NCS: Không thiếu

c) Nghiên cứu khoa học: Không thiếu

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS: Không thiếu

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: Không thiếu

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: Không thiếu

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2025*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Đoàn Đình Phương**